

Bản án số: 12/2019/HC-PT.

Ngày: 27-3-2019.

*V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Chí Nguyễn.

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Anh Dũng và bà Lê Thuý Linh.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Việt Hoa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Tuấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 27-3-2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 16/2019/TLPT-HC ngày 16-01-2019, do bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HCST ngày 14-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện G L có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án hành chính phúc thẩm ra xét xử số 04/QĐXX-HC ngày 25-02-2019; các Quyết định hoãn phiên tòa số 07/ QĐHPT-HC ngày 07-3-2019 và số 19/QĐHPT-HC ngày 21-3-2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện có kháng cáo: Anh N Đ T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: thôn Bài Tâm, xã D Q, huyện G L, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh N Đ T: Luật sư Đỗ Văn Nhấn và luật sư Đỗ Mạnh Quỳnh - Công ty luật TNHH MTV Tín Đạt, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã D Q, huyện G L, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền (theo Giấy uỷ quyền được lập ngày 28-02-2019): Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Phó Chủ tịch UBND xã D Q.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đào Bá Tuấn, sinh năm: 1957; Địa chỉ: thôn Bài Tâm, xã D Q, huyện G L, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung:

Ngày 04-01-2005, trên cơ sở kết quả đấu thầu thì anh N Đ T đã ký Hợp đồng thuê 850m² đất với Trưởng thôn Bài Tâm, xã D Q; thời hạn thuê khoán là 05 năm; giá thuê là 3.210.000đ/năm, đặt cọc 4.000.000đ; Mục đích: Sử dụng làm bãi tập kết Vật liệu xây dựng và được xây dựng 01 nhà cấp 4 để trông coi; hết thời hạn thuê thì bên thuê được đặc cách thuê thêm 05 năm. Thực hiện Hợp đồng, thì thôn Bài Tâm đã cắm mốc 850m² đất giao cho người thuê và anh N Đ T đã xây 10m² nhà cấp 4 trên phần diện tích đất được giao để sử dụng.

Hết thời hạn thuê theo Hợp đồng, thì thôn Bài Tâm không ký tiếp Hợp đồng với anh Thuy, tuy nhiên anh N Đ T vẫn tiếp tục sử dụng phần diện tích đất này và không nộp tiền thuê đất với thôn Bài Tâm.

Ngày 21-01-2015, tổ Thanh tra xây dựng xã D Q đã lập Biên bản số 12/BB-VPHC về vi phạm hành chính và yêu cầu ngừng thi công xây dựng đối với chủ đầu tư là anh N Đ T với hành vi vi phạm là xây dựng công trình trên đất công, cụ thể là: đổ bê tông, bó bờ diện tích 23,06m² và yêu cầu anh N Đ T phải phá dỡ công trình vi phạm.

Ngày 05-6-2017, tổ Thanh tra xây dựng huyện phụ trách địa bàn xã D Q đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 28/BB-VPHC đối với chủ đầu tư là Nguyễn Thị Đào đối với công trình vi phạm (1) là 17,4m²; (2) là 12,6m².

Ngày 06-6-2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) xã D Q ban hành Quyết định số 99/QĐ-UBND về việc Đình chỉ thi công công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với bà Nguyễn Thị Đào. Bà Nguyễn Thị Đào đã chấp hành.

Ngày 07-7-2017, anh N Đ T bị, tổ Thanh tra xây dựng xã D Q lập Biên bản vi phạm hành chính đối với công trình vi phạm: (1) là 50m²; công trình (2) là 82m². Theo Biên bản thì anh N Đ T cho rằng công trình đã được xây dựng trước năm 2010, khi còn đang nhận thuê khoán đất.

Ngày 11-7-2017, UBND xã D Q đã ban hành Thông báo số 445/TB-UBND, theo đó yêu cầu anh N Đ T tự dỡ bỏ công trình vi phạm trật tự xây dựng, hiện trạng: Dựng khung, kèo sắt; mái lợp tôn; vách quay tôn; đỉnh mái cao 2,8m. Tổng diện tích công trình là 132m².

Ngày 18-7-2017, Chủ tịch UBND xã D Q ban hành Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 18-7-2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng theo Thông báo số 445/TB-UBND ngày 11-7-2017.

Không đồng ý với Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 18-7-2017 của Chủ tịch UBND xã D Q, thì anh N Đ T đã làm đơn khiếu nại.

Ngày 06-9-2017, Chủ tịch UBND xã D Q đã ban hành Quyết định số 189/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại, theo đó đã không chấp nhận khiếu nại của anh N Đ T và giữ nguyên Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 18-7-2017 của Chủ tịch UBND xã D Q.

Không nhất trí với các Quyết định của Chủ tịch UBND xã D Q. Ngày 02-10-2017, thì anh N Đ T làm đơn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân huyện G L với yêu cầu: Huỷ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 18-7-2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng và Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 06-9-2017 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã D Q, huyện G L.

Ngày 24-9-2018, anh N Đ T làm đơn khởi kiện bổ sung với yêu cầu: UBND xã D Q dừng các hoạt động cưỡng chế thi hành Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 18-7-2017 của Chủ tịch UBND xã D Q và yêu cầu đền bù công tôn tạo, xây dựng công trình với số tiền là 799.900.000đ (*Bảy trăm chín mươi chín triệu, chín trăm ngàn đồng*).

Đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện có quan điểm: Hành vi xây dựng công trình trên đất công của anh N Đ T là vi phạm hành chính nhằm mục đích chiếm đất công nên cần phải ngăn chặn. Việc Chủ tịch UBND xã D Q ban hành các Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 18-7-2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng và Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 06-9-2017 về việc giải quyết khiếu nại đối với anh N Đ T là đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N Đ T.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 14-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện G L đã Quyết định: Bác yêu cầu của ông N Đ T về việc yêu cầu Tòa án huỷ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 18-7-2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng và Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 06-9-2017 về

việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã D Q, huyện G L và yêu cầu buộc UBND xã D Q phải bồi thường thiệt hại số tiền 799.900.000đ. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Ngày 27-11-2018, anh N Đ T đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện G L, theo đó đề nghị Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện có kháng cáo có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện cũng như tại đơn khởi kiện bổ sung; đề nghị Toà án chấp nhận đơn xin rút yêu cầu khởi kiện và Đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có quan điểm: Việc người khởi kiện có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận việc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và Đình chỉ việc giải quyết vụ án.

- Đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh N Đ T; nếu người khởi kiện rút đơn khởi kiện thì đề nghị Toà án chấp nhận và Đình chỉ việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Đối tượng khởi kiện là các Quyết định hành chính do Chủ tịch UBND xã D Q ban hành thuộc hoạt động quản lý nhà nước về đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án. Toà án nhân dân huyện G L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu luật định.

Đơn kháng cáo của anh N Đ T được nộp trong thời hạn luật định; người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn nên kháng cáo của anh N Đ T là hợp lệ.

Thẩm phán và HĐXX phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ án được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Người kháng cáo có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện là tự nguyện. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 241 và điểm b khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính, đề nghị HĐXX phúc thẩm xử: Huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ; ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[II]. Về Tố tụng:

Đối tượng khởi kiện trong vụ án là Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 18-7-2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng và Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 06-9-2017 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND xã D Q, huyện G L, thuộc hoạt động quản lý hành chính nhà nước trong lĩnh vực đất đai nên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Ngày 12-10-2017, anh N Đ T nộp đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án. Toà án nhân dân huyện G L thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về điều kiện và thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 14-11-2018 của Toà án nhân dân huyện G L của anh N Đ T được nộp tại Toà án ngày 27-11-2018 là trong thời hạn luật định; anh N Đ T nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn. Vì vậy, kháng cáo của anh N Đ T là hợp lệ.

Đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, thì Toà án vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt đương sự.

[III]. Xét về nội dung kháng cáo và yêu cầu khởi kiện:

[1]. Người khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết huỷ các Quyết định hành chính của Chủ tịch UBND xã D Q, gồm: Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 18-7-2017 về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng; Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 06-9-2017 về việc giải quyết khiếu nại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm Đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận việc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và Đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Xét thấy: Việc người khởi kiện có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện (bao gồm các yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện ban đầu và đơn bổ sung yêu cầu khởi

kiện) là hoàn toàn tự nguyện; phía người bị kiện cũng có quan điểm đồng ý với việc người khởi kiện rút đơn khởi kiện. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 241 và điểm b khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng hành chính, thì HĐXX phúc thẩm xét chấp nhận đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, theo đó xử: Huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Bản án sơ thẩm bị huỷ do người khởi kiện rút đơn khởi kiện, nên Toà án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[2]. Về trách nhiệm dân sự trong vụ án hành chính: Tại đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 24-9-2018, anh N Đ T yêu cầu UBND xã D Q dừng các hoạt động cưỡng chế thi hành Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 18-7-2017 của Chủ tịch UBND xã D Q về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng và yêu cầu UBND xã D Q đền bù công tôn tạo, xây dựng công trình với số tiền là 799.900.000đ.

Xét thấy: Cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, thì Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 18-7-2017 của Chủ tịch UBND xã D Q chưa được thực hiện; chưa phát sinh hành vi tổ chức cưỡng chế của UBND xã D Q nên chưa có thiệt hại. Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 18-7-2017 và Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 06-9-2017 của Chủ tịch UBND xã D Q là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính không làm phát sinh thiệt hại. Căn cứ quy định tại Điều 7 Luật tổ tụng hành chính, thì yêu cầu bồi thường không đề cập giải quyết trong vụ án.

Căn cứ đơn khởi kiện bổ sung của anh N Đ T, thì nội dung yêu cầu của người khởi kiện là được đền bù công tôn tạo và giá trị công trình xây dựng trên diện tích đất thuê khoán theo Hợp đồng ký ngày 04-01-2005. Yêu cầu này phát sinh từ giao dịch dân sự thông qua hợp đồng thuê khoán; nếu có yêu cầu Toà án giải quyết thì phải được Toà án xem xét bằng vụ án dân sự khi có yêu cầu của đương sự. Việc Toà án cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu của anh N Đ T trong vụ án hành chính là không phù hợp, bởi nó ảnh hưởng đến quyền khởi kiện vụ án dân sự của đương sự (nếu có) và trách nhiệm chịu tiền án phí dân sự trong vụ án hành chính.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính, thì Toà án cấp phúc thẩm cần xác định lại nghĩa vụ nộp án phí, theo đó anh N Đ T không phải chịu tiền án phí dân sự trong vụ án hành chính như quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Do người khởi kiện có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện tại phiên toà. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 234, Điều 349 Luật tổ tụng hành chính và khoản 5 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, thì anh N Đ T phải chịu toàn bộ tiền án phí hành chính sơ thẩm và 50% tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 4 Điều 241, điểm b khoản 1 Điều 234 và Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 5 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 03/2018/HC-ST ngày 14-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện G L và Đình chỉ việc giải quyết vụ án.

2. Về án phí: Anh N Đ T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm và 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền án phí hành chính phúc thẩm. Số tiền 600.000đ (*Sáu trăm ngàn đồng*) anh N Đ T nộp tạm ứng án phí tại 02 Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003309 ngày 27-11-2017 và số 0003991 ngày 04-12-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G L sẽ được đối trừ khi thi hành án. Trả lại anh N Đ T số tiền còn lại khi đối trừ tiền án phí là 150.000đ (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*).

Ghi nhận anh N Đ T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND huyện G L;
- VKSND huyện G L;
- Chi cục THADS huyện G L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ VA; lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Chí Nguyễn